TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HSST
Ngày 15-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-TH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thư

Bà Lường Thị Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Binh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4-Th

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Th tham gia phiên tòa:*

Ông Dương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Th (cơ sở 2) xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 tại xã Th, huyện L (nay là xã L), tỉnh Th; nơi cư trú: Thôn X, xã L, tỉnh Th; số CCCD: 038066000893; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/10; Dân tộc: kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Lê Thị D; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; có 03 con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 1988, TAND huyện L, Th xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/6/1989). Năm 1996 TAND tỉnh Th xử phạt 5 năm tù về tội Cướp tài sản. Năm 1997, bị TAND huyện Như Xuân, Th xử phạt 15 tháng tù về tội trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 3 năm 5 tháng 12 ngày tù. (Ngày 08/3/2001 Nguyễn Văn N chấp hành xong hình phạt tù; Về án phí: theo Bản án được miễn án phí HSST). Năm 2005, bị TAND huyện L, tỉnh Th xử phạt 24 tháng tù về tội cố ý gây thương tích (chấp hành xong án phạt tù ngày 13/12/2006, đã thi hành xong án phí). Năm 2020, bị TAND huyện L, tỉnh Th xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Chấp hành xong án phạt tù 06/02/2021; Đã thi hành xong án phí). Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/4/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực H Trại tạm giam Công an tỉnh Th. Có mặt.

Bị hại: Anh Bùi Ngọc T1, sinh năm 1977. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L (xã X, huyện L cũ), tỉnh Th.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

Ông Lại Quang Ch, sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã L (xã Mỹ Lộc, huyện L cũ), tỉnh Th.

Ông Vũ Ngọc H3, sinh năm 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã L (xã Th, huyện L cũ), tỉnh Th.

Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1977. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã L (xã Th, huyện L cũ), tỉnh Th.

Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã L (xã Th cũ), tỉnh Th.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1952. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Ph, xã H (xã Hoằng Đức cũ), tỉnh Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 13/4/2025, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô BKS 36H4-3908 (mượn của anh Nguyễn Văn A) đến địa phận thôn Ph, xã Hoằng Đức, huyện H, qua khu vực nhà kho chứa máy móc, thiết bị phục vụ xây dựng của anh Bùi Ngọc T1 (là người thuê N đi làm xây dựng), phát hiện nhà kho không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N dừng xe, kéo bung khóa cửa, đột nhập vào bên trong nhà kho, lục lọi và trộm cắp: 01 xe kéo (loại xe 3 bánh), 01 máy đầm dùi bê tông, 01 máy bơm nước, 01 cuộn dây điện dài khoảng 50m, 01 cuộn túi nilon màu trắng. Sau đó, N dùng dây buộc xe kéo vào xe máy rồi điều khiển về nhà.

Đến trưa ngày 14/4/2025, Nguyễn Văn N mang chiếc xe kéo trộm cắp được sang bán cho Lại Quang Ch với giá 1.000.000 đồng (do đang nợ anh Ch 500.000 đồng nên anh Ch trừ nợ và đưa cho N 500.000 đồng), để lại cuộn nilon trên xe. Các tài sản còn lại, N mang về nhà, rồi đến chiều cùng ngày tiếp tục bán cho bà Hoàng Thị B 01 máy bơm và 01 cuộn dây điện với giá 400.000 đồng. Riêng máy đầm dùi bê tông, bà B giới thiệu N bán cho Vũ Ngọc H3 với giá 500.000 đồng. Tổng cộng, N bán được 1.900.000 đồng (thực tế số tiền nhận về tay là 1.400.000 đồng do đã trừ nợ cho anh B 500.000 đồng).

Ngày 14/4/2025, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập làm việc đối với Nguyễn Văn N. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N đã xin đầu thú và khai nhận T1 bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 16/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện H, xác định tổng giá trị tài sản được định giá là 4.275.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thông báo kết luận định giá cho bị hại Bùi Ngọc T1 và bị can Nguyễn Văn N; cả hai đều đồng ý với nội dung kết luận, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 67/CT-VKSHH ngày 23/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Th) truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: T1 bộ số tài sản bị cáo chiếm đoạt thuộc sở hữu hợp pháp của ông Bùi Ngọc T1, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản cho ông T1. Ông T1 không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Đối với ông Lại Quang Ch, bà Hoàng Thị B và ông Vũ Ngọc H3 đều không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô BKS 36H4-3908 phương tiện thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn A, cơ quan CSĐT đã trả lại xe cho anh An. Vì vậy, đề nghị không xem xét.

Truy thu của bị cáo số tiền 1.400.000 đồng là tiền thực tế hưởng lợi do phạm tội mà có.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Nguyễn Văn N pH3 chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo N trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Th, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Th), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 21h00’ ngày 13/4/2025, Nguyễn Văn N đã lợi dụng sơ hở của người dân trong việc trông coi máy móc, thiết bị phục vụ công trình xây dựng, đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản gồm 01 xe kéo (loại xe 3 bánh), 01 máy đầm dùi bê tông, 01 máy bơm nước, 01 cuộn dây điện dài khoảng 50m, 01 cuộn túi nilon màu trắng, T1 bộ tài sản bị cáo chiếm đoạt được định giá có giá trị là 4.275.000đ (bốn triệu hai trăm bảy mười lăm nghìn đồng).

Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 67/CT-VKSHH ngày 23/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Th (Viện kiểm sát nhân dân huyện H cũ) truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, an T1 xã hội, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy cần pH3 đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo và răn đe Ch.

T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn N không pH3 chịu T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Nhân thân: Bị cáo phạm tội đã có 05 lần bị Tòa án xét xử và chịu sự trừng phạt của pháp luật, trong đó có 03 lần phạm tội xâm phạm sở hữu.

Trên cơ sở tính chất nguy hiểm của hành vi, T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nhận thấy bị cáo Nguyễn Văn N mặc dù đã nhiều lần bị chịu mức hình phạt nghiêm khắc về hành vi vi phạm pháp luật nhưng sau khi chấp hành xong không tự tu dưỡng, cải tạo mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần tách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giam.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

Về trách nhiệm dân sự: T1 bộ số tài sản bị cáo chiếm đoạt thuộc sở hữu hợp pháp của ông Bùi Ngọc T1, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản cho ông T1. Ông T1 không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với ông Lại Quang Ch, bà Hoàng Thị B và ông Vũ Ngọc H3 khi mua lại không biết là tài sản trộm cắp mà có và đều không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô BKS 36H4-3908 phương tiện thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn A, anh An không biết bị cáo sử dụng xe của mình làm phương tiện phạm tội nên cơ quan CSĐT đã trả lại xe cho anh An. Vì vậy, không xem xét.

Truy thu của bị cáo số tiền 1.400.000 đồng là tiền thực tế bị cáo hưởng lợi do phạm tội mà có.

Về án phí: Do bị cáo Nguyễn Văn N bị kết án nên pH3 chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 16/4/2025.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Th;
- VKSND khu vực 4-Th;
- TAND tỉnh Th;
- Thi hành án dân sự tỉnh Th;
- CQCSĐT Công an tỉnh Th;
- CQTHAHS Công an tỉnh Th;
- Bị cáo; bị hại;
-Người có QL&NVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Th;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lê Xuân Thư **Lường Thị Huyền**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Tú